TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1438/2023/QĐST-HNGĐ	*Củ Chi, ngày 22 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ Phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1165/2023/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2023 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Trần Văn Minh T, sinh năm 1989; Đăng ký thường trú: Ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre; Địa chỉ liên lạc: Số 436, M, khu phố 5, phường P thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.

2. Bà Bùi Thị Thu T1, sinh năm 1988; Đăng ký thường trú: Số 344, đường B, ấp G, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Minh T và bà Bùi Thị Thu T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 52, quyển số 01/20211, ngày 25/7/2011 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp; các đương sự thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Kim T2, sinh ngày 22/3/2013. Hai bên thoả thuận bà T1 được quyền nuôi dưỡng trẻ T2, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ T2 mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), bắt đầu thi hành từ tháng 12/2023 cho đến khi trẻ T2 tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự cùng xác định không có.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung: Các đương sự cùng xác định không có.

Xét thấy sự thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không trốn tránh nghĩa vụ nên ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn Minh T và bà Bùi Thị Thu T1 thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số: 52, quyển số 01/2, ngày 25/7/2011 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C cấp cho ông T, bà T1 không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Kim T2, sinh ngày 22/3/2013. Bà T1 được quyền nuôi dưỡng trẻ T2, ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ T2 mỗi tháng là 2.000.000đ (hai triệu đồng), bắt đầu thi hành từ tháng 12/2023 cho đến khi trẻ T2 tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày bà T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chưa thi hành cấp dưỡng số tiền trên, thì hàng tháng ông T còn phải trả cho bà T1 số tiền lãi do chậm thực hiện hiện nghĩa vụ trả tiền được xác định theo sự thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bên không trực tiếp nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Cùng xác định không có, Toà án không xem xét.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung: Cùng xác định không có, Toà án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); ông Trần Văn Minh T và bà Bùi Thị Thu T1 mỗi người chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), nhưng được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018352 ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Ông T và bà T1 đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Củ Chi;
- UBND xã T, huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hà Thị Xuân Lan